

Số: /HVKHCN-TB

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2016

THÔNG BÁO
Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ đợt 1 năm 2017

Học viện Khoa học và Công nghệ (Học viện) trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1691/QĐ-TTg ngày 22/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ, là cơ sở giáo dục công lập nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, có chức năng và nhiệm vụ chính là đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành về khoa học tự nhiên và công nghệ, nghiên cứu khoa học và thực hiện các đề án về phát triển nguồn nhân lực.

Học viện đang đào tạo **50** chuyên ngành trình độ Tiến sĩ. Hiện tại, Học viện có gần 800 NCS đang theo học tại 11 Khoa: Khoa Toán học; Khoa Hóa học; Khoa Vật lý; Khoa Công nghệ sinh học; Khoa Các khoa học trái đất; Khoa Khoa học và Công nghệ biển; Khoa Địa lý; Khoa Công nghệ thông tin và Viễn thông; Khoa Sinh thái tài nguyên và Môi trường; Khoa Khoa học vật liệu và Năng lượng; Khoa Cơ học và Tự động hóa và thực hiện đề tài luận án tại các Viện nghiên cứu chuyên ngành của Viện Hàn lâm KHCNVN.

Từ năm 2016-2017, Học viện tổ chức đào tạo **14** chuyên ngành trình độ Thạc sĩ tại 4 khoa : Khoa Toán học, Khoa Hóa học, Khoa Sinh thái tài nguyên và môi trường, Khoa Vật lý.

Học viện Khoa học và Công nghệ là môi trường đào tạo sau đại học lý tưởng với những điều kiện sau:

- Học viện có đội ngũ giảng viên, có trình độ cao của Viện Hàn lâm KHCNVN, nhiều kinh nghiệm trong đào tạo và nghiên cứu khoa học với: 48 giáo sư, 178 phó giáo sư, 760 tiến sĩ, tiến sĩ khoa học;
- Học viện có hệ thống hội trường, phòng học, hệ thống trang thiết bị nghiên cứu, phòng thí nghiệm, hệ thống thông tin thư viện hiện đại của 37 Viện nghiên cứu chuyên ngành thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- Học viên theo học tại Học viện có cơ hội sớm được tham gia nghiên cứu khoa học và thực hiện các đề tài nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của các nhà khoa học hàng đầu;
- Học viện có các chương trình đào tạo liên thông Thạc sĩ – Tiến sĩ – Sau Tiến sĩ.
- Học viên có nhiều cơ hội học bổng, thực tập tại các phòng thí nghiệm hàng đầu trong nước cũng như quốc tế;
- Viện Hàn lâm KHCNVN, Học viện, các Viện nghiên cứu chuyên ngành, người hướng dẫn luôn tạo điều kiện và hỗ trợ tối đa cho học viên trong việc tổ chức giảng dạy, tiếp nhận và thực hiện đề tài nghiên cứu;

Hàng năm, Học viện tổ chức 2 đợt tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ vào tháng 4 và tháng 9.

Năm 2017, Học viện thông báo tuyển sinh trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ đợt 1 như sau:

I. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

- 1. Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển**
- 2. Chuyên ngành tuyển sinh và môn thi tuyển: 14 chuyên ngành (Phụ lục 1-ThS)**
3. Điều kiện dự thi: (Phụ lục 2-ThS)
4. Điều kiện miễn thi ngoại ngữ (Phụ lục 3-ThS)
5. Đối tượng và chính sách ưu tiên: (Phụ lục 4-ThS)
- 6. Thời gian thi tuyển: Ngày 08-09/4/2017 (Thứ Bảy, Chủ Nhật)**
- 7. Địa điểm thi tuyển: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Nha Trang (Phụ lục 5-ThS)**
8. Hình thức thi tuyển:
 - Môn tiếng Anh: Thi trắc nghiệm, thời gian 120 phút
 - Môn cơ sở: Thi tự luận, thời gian 180 phút
 - Môn cơ bản: Thi tự luận, thời gian 180 phút
9. Lệ phí dự tuyển:
 - Lệ phí đăng ký dự thi: 60.000đ/ thí sinh
 - Lệ phí thi: + Thí sinh được miễn thi ngoại ngữ: 240.000đ/ thí sinh
+ Thí sinh không được miễn thi ngoại ngữ: 360.000đ/ thí sinh
10. Hồ sơ đăng ký dự thi: (Phụ lục 6-ThS)
- 11. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 28/12/2016 đến hết 28/2//2017**
- 12. Địa điểm nhận hồ sơ: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Nha Trang, TP. Đà Lạt, TP. Hải Phòng, TP. Huế (Phụ lục 7-ThS)**
13. Các thông tin khác:
 - **Thời gian ôn tập và bổ sung kiến thức: Từ 21/02/2017 đến 31/3/2017**
 - Thí sinh đăng ký ôn tập và bổ sung kiến thức tại nơi tiếp nhận hồ sơ

II. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

- 1. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển**
- 2. Chuyên ngành tuyển sinh: 50 chuyên ngành (Phụ lục 1-TS)**
3. Điều kiện dự tuyển (Phụ lục 2-TS)
- 4. Thời gian xét tuyển: Từ ngày 01/4/2017 đến 15/4/2017**
- 5. Địa điểm xét tuyển: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Nha Trang, Đà Lạt**
6. Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/ thí sinh
7. Hồ sơ đăng ký dự tuyển: (Phụ lục 3-TS)
- 8. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 26/12/2016 đến hết 31/3/2017**
- 9. Địa điểm nhận hồ sơ: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Nha Trang, TP. Đà Lạt, TP. Hải Phòng, TP. Huế (Phụ lục 4-TS)**

Thông tin chi tiết xin liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ và tham khảo tại trang web của Học viện Khoa học và Công nghệ: <http://www.gust.edu.vn>

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Viện HL KHCN VN (để báo cáo);
- Các đơn vị trực thuộc Viện HL KHCNVN
- Các Sở Khoa học và Công nghệ;
- Các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Các Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học phổ thông;
- Các Viện, Trung tâm nghiên cứu;
- Các Vườn Quốc gia;
- Các Chi cục kiểm lâm, Chi cục bảo vệ thực vật;
- Lưu VT, ĐT.

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
GIÁM ĐỐC**

GS.TS. Phan Ngọc Minh

CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH VÀ MÔN THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

STT	Chuyên ngành	Mã số	Môn thi tuyển		
			Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ
Khoa Toán học					
1	Toán giải tích	60460102	Giải tích	Đại số	Tiếng Anh
2	Đại số và lý thuyết số	60460104	Giải tích	Đại số	Tiếng Anh
3	Hình học và tô pô	60460105	Giải tích	Đại số	Tiếng Anh
4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	60460106	Giải tích	Đại số	Tiếng Anh
5	Toán ứng dụng	60460112	Giải tích	Đại số	Tiếng Anh
Khoa Vật lý					
6	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	60440103	Toán cho vật lý	Cơ sở vật lý	Tiếng Anh
7	Vật lý nguyên tử	60440106	Toán cho vật lý	Cơ sở vật lý	Tiếng Anh
8	Vật lý chất rắn	60440104	Toán cho vật lý	Cơ sở vật lý	Tiếng Anh
9	Vật lý kỹ thuật	60520401	Toán cho vật lý	Cơ sở vật lý	Tiếng Anh
Khoa Hóa học					
10	Hóa vô cơ	60440113	Hóa học cơ bản	Cơ sở lý thuyết hoá học	Tiếng Anh
11	Hóa phân tích	60440118	Hóa học cơ bản	Cơ sở lý thuyết hoá học	Tiếng Anh
Khoa Sinh thái tài nguyên và môi trường					
12	Thực vật học	60420111	Sinh học đại cương	Tế bào di truyền	Tiếng Anh
13	Sinh học thực nghiệm	60420114	Sinh học đại cương	Tế bào di truyền	Tiếng Anh
14	Động vật học	60420103	Sinh học đại cương	Tế bào di truyền	Tiếng Anh

ĐIỀU KIỆN DỰ THI

1. Điều kiện về văn bằng:

a) Đã tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành hoặc chuyên ngành đăng ký dự thi.

b) Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

- Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% cả về nội dung và thời lượng học tập của khối kiến thức ngành (tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành).

- Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam cấp III hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% cả về nội dung và thời lượng học tập của khối kiến thức ngành (tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành)

* Văn bằng tốt nghiệp đại học của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cần phải có văn bản công nhận về trình độ đào tạo và đủ điều kiện được tiếp tục học sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, tại công văn số 191/BGDĐT-GDDH ngày 08/1/2013 về việc xác nhận văn bằng tốt nghiệp ở nước ngoài trước khi dự thi sau đại học) gửi kèm theo khi nộp hồ sơ.

2. Điều kiện khác:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khỏe để học tập

- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

Phụ lục 3-ThS

Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ nếu có 1 trong các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ học tập là tiếng Anh không qua phiên dịch, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam, có cơ sở đào tạo nước ngoài cùng cấp bằng mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình đào tạo bằng tiếng Anh;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;
- Có chứng chỉ trình độ tiếng Anh từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

1. Đối tượng:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên:

-Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười (10) điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một (01) điểm (thang điểm 10) cho môn thi cơ bản.

ĐỊA ĐIỂM THI TUYỂN VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY THẠC SĨ

- Tại Hà Nội: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

14 chuyên ngành đào tạo

STT	Chuyên ngành	Mã số
1.	Toán giải tích	60460102
2.	Đại số và lý thuyết số	60460104
3.	Hình học và tôpô	60460105
4.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	60460106
5.	Toán ứng dụng	60460112
6.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	60440103
7.	Vật lý nguyên tử	60440106
8.	Vật lý chất rắn	60440104
9.	Vật lý kỹ thuật	60520401
10.	Hóa vô cơ	60440113
11.	Hóa phân tích	60440118
12.	Thực vật học	60420111
13.	Sinh học thực nghiệm	60420114
14.	Động vật học	60420103

- Tại TP. Hồ Chí Minh: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Số 1 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

7 chuyên ngành đào tạo

STT	Chuyên ngành	Mã số
1.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	60440103
2.	Vật lý kỹ thuật	60520401
3.	Hóa vô cơ	60440113
4.	Hóa phân tích	60440118
5.	Thực vật học	60420111
6.	Sinh học thực nghiệm	60420114
7.	Động vật học	60420103

- Tại Nha Trang: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Số 2, Hùng Vương, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa

1 chuyên ngành đào tạo

STT	Chuyên ngành	Mã số
1.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	60440103

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI CAO HỌC

(Thí sinh có thể tải mẫu Đơn xin đăng ký dự thi, Sơ yếu lý lịch và Thông báo tuyển sinh trên trang web của Học viện Khoa học và Công nghệ: <http://www.gust.edu.vn>)

(1).01 Đơn đăng ký dự thi (**Theo mẫu**);

(2).01 Bản sao có công chứng các giấy tờ sau:

- Bảng và bảng điểm tốt nghiệp đại học
- Bảng và bảng điểm tốt nghiệp hệ cao đẳng (đối với thí sinh học hệ liên thông)
- Các giấy tờ có giá trị pháp lý về đối tượng ưu tiên (nếu có)
- Bảng và bảng điểm đại học hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có)
- Chứng nhận kết quả học bổ sung kiến thức (nếu có)
- Các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có)

(3).01 Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi (**Theo mẫu**);

(4).01 Công văn cử dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý đối với thí sinh do cơ quan cử đi học (không yêu cầu đối với thí sinh tự do)

(5).01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

(6).02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm (ghi rõ họ tên, ngày sinh, chuyên ngành dự thi của thí sinh ở mặt sau ảnh).

(7).02 Phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ liên hệ của thí sinh.

(8).Giấy chứng nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo về các văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp (không yêu cầu đối với các văn bằng thuộc diện “Hiệp định công nhận tương đương về văn bằng giáo dục đại học”);

ĐƠN ĐĂNG KÍ DỰ THI ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1. **Họ và tên** (viết chữ in hoa):
2. **Giới tính:**
3. **Ngày sinh:**
4. **Nơi sinh:**
5. **Nơi ở hiện nay:**
6. **Đối tượng dự thi:**- Thí sinh tự do
- Cơ quan cử:
7. **Cơ quan công tác hiện nay:**
8. **Chuyên môn công tác:**
9. **Chức vụ:**
10. **Thâm niên nghề nghiệp (số năm công tác trong lĩnh vực ĐKDT):**
11. **Văn bằng đại học:** Tốt nghiệp ngành:
Loại tốt nghiệp: hệ đào tạo:
Trường:
Năm tốt nghiệp:
12. **Đối tượng ưu tiên:**
13. **Ngành đăng kí dự thi:**
14. **Chuyên ngành đăng kí dự thi:**
- Mã số:**
15. **Địa chỉ liên hệ:**
-
-
-
- Số điện thoại liên hệ:

....., ngày tháng năm 2017

Xác nhận của cơ quan hiện đang công tác
(Hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú, nếu
là thí sinh tự do)

Người đăng kí
(Kí và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

**Ảnh 3 x 4 cm
có đóng dấu giáp lai**

Họ và tên:
Ngày, tháng, năm sinh: Nam/Nữ:
Dân tộc: Tôn giáo:
Nơi sinh:
Hộ khẩu thường trú:
.....
Địa chỉ hiện nay:
.....
Cơ quan công tác hiện nay:
.....

Quá trình học tập (từ bậc Trung học phổ thông trở lên):

Thời gian	Nơi học	Ngành học

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ/ Vị trí công việc

Khen thưởng:

Kỷ luật:

Họ và tên Bố: Năm sinh:

Cơ quan công tác:

Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay:

Tóm tắt những mốc chính trong quá trình công tác:

.....

.....
.....
.....

Họ và tên Mẹ: Năm sinh:

Cơ quan công tác:

Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay:

Tóm tắt những mốc chính trong quá trình công tác:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Lời cam đoan:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có gì sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

**Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
hoặc của UBND phường (xã)**

Ngày tháng năm 2017
Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Thí sinh có thể tải mẫu Lý lịch trên trang web của Học viện Khoa học và Công nghệ: <http://www.gust.edu.vn>)

ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ
(Tại Học viện và các Viện nghiên cứu chuyên ngành trực thuộc
Viện Hàn lâm KHCNVN)

1. Tại Hà Nội (Cơ sở 1):

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
1.	Học viện Khoa học và Công nghệ , Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A21	0945050052 ThS. Trần Phương Thúy 0916467768 CV. Phạm Thị Như Quỳnh
2.	Viện Sinh thái tài nguyên và môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A11	04.3756.5944 0912142843 (TS. Nguyễn Thị Thanh Hương)
3.	Viện Vật lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Số 10 Đào Tấn, Ba Đình, Hà Nội	0946120297 CV. Nguyễn Thị Ngọc Bích 0904791515 CV. Nguyễn Thị Diệu Hồng
4.	Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A5	0982111984 CV. Trần Thị Phương Thảo
5.	Viện Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A18	0979847880 CV. Nguyễn Thị Hiếu

2. Tại TP. Hồ Chí Minh (Cơ sở 2):

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
1.	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	08 38222068 0932093007 CV. Nguyễn Thị Thanh Thảo
2.	Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	9/621 Xa lộ Hà Nội, khu phố 6, P. Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	0989986781 CV. Nguyễn Thị Hiền Lương
3.	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Số 01A đường Thạnh Lộc 29, phường Thạnh Lộc, quận 12, TP. Hồ Chí Minh	01683502458 CV. Ngô Thị Lan
4.	Viện Cơ học và Tin học ứng dụng, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	291 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	0903932973 Bùi Tiến Điều

3. Tại TP. Nha Trang (Cơ sở 3):

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
1.	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Số 2, Hùng Vương, Nha Trang, Khánh Hòa	0932416625 CV. Trần Minh Trang

4. Tại TP. Đà Lạt (Cơ sở 4):

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
1.	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	116 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Đà Lạt, Lâm Đồng	0948822664 CV. Hoàng Thị Thu Thảo

CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

STT	Chuyên ngành	Mã số	STT	Chuyên ngành	Mã số
Khoa Các khoa học trái đất			Khoa Khoa học và Công nghệ biển		
1	Địa mạo và cổ địa lý	62440218	26	Thủy sinh vật học	62420108
2	Địa chất học	62440201	Khoa Hóa học		
3	Địa vật lý	62440210	27	Kỹ thuật hóa học	62520301
4	Khoáng vật học và địa hóa học	62440205	28	Hóa hữu cơ	62440114
5	Vật lý địa cầu	62440111	29	Hóa vô cơ	62440113
Khoa Công nghệ sinh học			30	Hóa phân tích	62440118
6	Công nghệ sinh học	62420201	31	Hóa lý thuyết và Hóa lý	62440119
7	Di truyền học	62420121	32	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	62440117
8	Hóa sinh học	62420116	Khoa Khoa học vật liệu và Năng lượng		
9	Sinh lý học người và động vật	62420104	33	Vật liệu điện tử	62440123
10	Sinh lý học thực vật	62420112	34	Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử	62440127
11	Lý sinh học	62420115	35	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp	62440125
12	Vi sinh vật học	62420107	36	Kim loại học	62440129
Khoa Công nghệ thông tin và Viễn thông			Khoa Sinh thái tài nguyên và Môi trường		
13	Hệ thống thông tin	62480104	37	Thực vật học	62420111
14	Khoa học máy tính	62480101	38	Sinh thái học	62420120
15	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	62520216	39	Động vật học	62420103
Khoa Toán học			40	Côn trùng học	62420106
16	Toán giải tích	62460102	41	Kỹ thuật môi trường	62520320
17	Phương trình vi phân và tích phân	62460103	42	Ký sinh trùng học	62420105
18	Đại số và lý thuyết số	62460104	43	Tuyển trùng học	Thí điểm
19	Hình học và tô pô	62460105	Khoa Cơ học và Tự động hóa		
20	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	62460106	44	Cơ học vật rắn	62440107
Khoa Công nghệ thông tin và Viễn thông, Khoa Toán học			45	Cơ học chất lỏng	62440108
21	Cơ sở toán học cho tin học	62460110	46	Cơ kỹ thuật	62520101
22	Toán ứng dụng	62460112	Khoa Vật lý		
Khoa Địa lý			47	Quang học	62440109
23	Địa lý tự nhiên	62440217	48	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	62440103
24	Địa lý tài nguyên và môi trường	62440219	49	Vật lý nguyên tử	62440106
25	Thủy văn học	62440224	50	Vật lý chất rắn	62440104

ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Điều kiện về văn bằng:

Người dự tuyển phải có một trong các văn bằng sau:

- a) Có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển
- b) Có bằng cử nhân đại học hệ chính quy đạt loại giỏi, khá (nếu đạt loại khá thì cần có thêm ít nhất 01 bài báo khoa học đã đăng hoặc chấp nhận đăng trong tạp chí, kỷ yếu hội nghị khoa học chuyên ngành có phản biện) thuộc ngành, chuyên ngành đúng hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi, phải học bổ sung các học phần trình độ Thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng trong 2 năm đầu của thời gian đào tạo trình độ Tiến sĩ.

2. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ

Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau (một trong sáu thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật):

- a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 02 năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1.
- b) Bằng tốt nghiệp đại học chính quy hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;
- c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

6.3. Các điều kiện khác:

(1). Có đề cương nghiên cứu chi tiết

(2). Có 02 thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Những người giới thiệu này cần có ít nhất 06 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh.

(3). Có ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự tuyển (từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đến hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển).

(4). Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu người đã có việc làm), hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận.

(5). Cam kết thực hiện các nghĩa vụ học tập, nghiên cứu và chế độ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Học viện.

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU
(để xét trình độ ngoại ngữ khi dự tuyển và khi tốt nghiệp)**

*(Kèm theo Thông tư số: 05 /2012/TT- BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
B1	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40
B2	5.5	500 BPT 173 CBT 61 iBT	600	First FCE	Busines Vantage	60

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
B1	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4
B2	TRKI 2	DELFB2 TCF niveau 4	B2 TestDaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

(Người dự tuyển có thể tải mẫu Đơn xin dự tuyển, Lý lịch khoa học, Thư giới thiệu, Đề cương nghiên cứu và Thông báo tuyển sinh trên trang web của Học viện Khoa học và Công nghệ: <http://www.gust.edu.vn>)

- (1). Đơn đăng ký dự tuyển (*Theo mẫu*);
- (2). Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương;
- (3). Lý lịch khoa học được thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận (*Theo mẫu*);
- (4). Công văn giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ quan quản lý nhân sự (đối với người đã có việc làm) hoặc trường (nếu là sinh viên vừa tốt nghiệp). Không yêu cầu mục này với thí sinh làm nghề tự do.
- (5). Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa;
- (6). Bản sao có công chứng các văn bằng chứng chỉ sau;
+ Bằng tốt nghiệp và bằng điểm Thạc sĩ, Đại học (01 bản);
+ Chứng chỉ ngoại ngữ.
- (7). Hai thư giới thiệu (*Theo mẫu*);
- (8). Đề cương nghiên cứu chi tiết (09 bản, *Theo mẫu*);
- (9). Bản sao các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đã công bố (09 bản, yêu cầu bắt buộc đối với thí sinh tốt nghiệp Đại học đạt loại Khá);
- (10). 03 ảnh 4x6 (mới chụp, mặt sau ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, 04 phong bì A6).

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

1. **Họ và tên** (viết chữ in hoa):
2. **Giới tính:**
3. **Ngày sinh:**
4. **Nơi sinh:**
5. **Nơi ở hiện nay:**
6. **Đối tượng dự thi:** Thí sinh tự do Đang công tác
7. **Cơ quan công tác hiện nay:**
Địa chỉ:
8. **Chuyên môn công tác:** **Chức vụ:**
9. **Văn bằng đại học:** Ngành: Hệ: Loại: Năm:
Trường:
10. **Văn bằng cao học:** Chuyên ngành: Điểm trung bình khóa học:
Trường: Năm:
11. **Số lượng bài báo khoa học đã công bố (nếu có) và bài photo kèm theo:**
12. **Chứng chỉ Tiếng Anh:** Số điểm: Ngày cấp:
13. **Chuyên ngành đăng ký dự thi:** Mã số:
14. **Hình thức đào tạo:** Tập trung Không tập trung
15. **Địa chỉ liên hệ:**
- Điện thoại:** **E-mail:**

Xác nhận của cơ quan hiện đang công tác
(Hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú nếu
là thí sinh tự do)

....., ngày.....tháng.....năm....

Người đăng kí
(Ký và ghi rõ họ tên)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ảnh 4 x 6cm
có đóng dấu giáp lai

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Nam/Nữ:

Dân tộc: Tôn giáo:

Nơi sinh:

Hộ khẩu thường trú:

.....

Địa chỉ hiện nay:

.....

Cơ quan công tác:

.....

Đã có bằng tốt nghiệp:

Nơi cấp bằng: Ký ngày:/...../.....

Ngày vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh:

Ngày vào Đảng CSVN:

Ngày vào biên chế Nhà nước:

Quá trình học tập, công tác của bản thân: (ghi rõ ngày, tháng, năm, làm gì, ở đâu?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Khen thưởng:

.....

Kỷ luật:

.....

Họ và tên Bố: Năm sinh:
Cơ quan công tác:
Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay:
Tóm tắt những mốc chính trong quá trình công tác:
.....
.....
.....
.....
.....

Họ và tên Mẹ: Năm sinh:
Cơ quan công tác:
Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay:
Tóm tắt những mốc chính trong quá trình công tác:
.....
.....
.....
.....
.....

Anh chị em ruột, vợ hoặc chồng, con (nếu có): *(Ghi rõ Họ tên, ngày sinh, nghề nghiệp, nơi công tác, học tập của từng người)*

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Lời cam đoan:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có gì sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

**Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
hoặc của UBND phường (xã)**

Ngày tháng năm

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THƯ GIỚI THIỆU
THÍ SINH DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH**

Kính gửi: Hội đồng Tuyển sinh trình độ Tiến sĩ,
Học viện Khoa học và Công nghệ

Tôi tên là:

Học hàm, học vị:Năm công nhận:

Chuyên ngành:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Điện thoại: Email:

Tôi đã có thời gian công tác, hoạt động chuyên môn với ông/bà:

.....trong khoảng thời gian từ.....

là người dự tuyển nghiên cứu sinh khóa 2015 của Học viện Khoa học và Công nghệ

Tôi có những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người dự tuyển như sau:

1. Phẩm chất đạo đức:
.....
2. Năng lực hoạt động chuyên môn:
.....
3. Phương pháp làm việc:
.....
4. Khả năng nghiên cứu:
.....
5. Khả năng làm việc theo nhóm:
.....
6. Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển:
.....
7. Triển vọng phát triển về chuyên môn:
.....
.....
.....

8. Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu người dự tuyển làm NCS:

.....
.....

Tôi xin cam đoan những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người dự tuyển nghiên cứu sinh là hoàn toàn trung thực và khách quan. Xin trân trọng giới thiệuvới Học viện để đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh khóa 2016.

Xin chân thành cảm ơn.

Ngày tháng năm 20...
Người giới thiệu
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐỀ CƯƠNG DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

1. Trang bìa đề cương: (mẫu tải trên trang web của Học viện: www.gust.edu.vn)

2. Đặt vấn đề:

Nêu lý do chọn đề tài, tính cấp thiết, tính mới của vấn đề nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

3. Tổng quan vấn đề nghiên cứu:

Tác giả cần tổng hợp các nghiên cứu đã thực hiện trong và ngoài nước có liên quan đến vấn đề nghiên cứu của NCS, qua đó cần phân tích bình luận về kết quả và những hạn chế/khoảng trống của các nghiên cứu đó để làm nổi bật tính cấp thiết và tính khả thi của đề tài dự tuyển. Trong đó dự tuyển NCS cần nêu rõ những quan điểm và phương pháp giải quyết riêng của mình

4. Mục tiêu, nội dung, đối tượng và phương pháp nghiên cứu:

- Mục tiêu của đề tài dựa trên tên của đề tài dự kiến, những kết quả nghiên cứu đi trước đã đạt được để đề ra mục tiêu nghiên cứu giải quyết vấn đề.

- Nội dung nghiên cứu: nội dung phải dựa trên mục tiêu nghiên cứu, toàn bộ nội dung nghiên cứu của đề tài là giải quyết các mục tiêu đề ra.

- Đối tượng nghiên cứu: là đối tượng mà đề tài dự kiến nghiên cứu, trong đó cần nêu rõ phạm vi và giới hạn của đề tài, của đối tượng nghiên cứu (có thể đưa giới hạn đề tài vào cuối của mục 4)

- Phương pháp nghiên cứu: Tác giả cần nêu rõ từng phương pháp mà đề tài sẽ áp dụng để đảm bảo đạt được mục tiêu-nội dung đã đề ra của đề tài, các phương pháp bố trí thí nghiệm, thu tập số liệu, xử lý số liệu, vv. Các phương pháp nghiên cứu trình bày theo từng nội dung nghiên cứu.

5. Những nghiên cứu/công việc liên quan đã thực hiện của NCS:

Nêu các nghiên cứu (đề tài, nhiệm vụ, vv) của nghiên cứu sinh đã thực hiện có liên quan đến đề tài luận án dự kiến thực hiện; kinh nghiệm của nghiên cứu sinh và tính khả thi của đề tài luận án.

6. Tiến độ thực hiện đề tài

Kế hoạch cần trình bày chi tiết, cụ thể theo các nội dung, hoạt động nhằm đảm bảo mục tiêu thực hiện khóa học và luận án của NCS.

TT	Nội dung/hoạt động	Sản phẩm phải đạt	Tiến độ thực hiện theo năm và quý															
			Năm 1				Năm 2				Năm 3				Năm 4			
			I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV
1																		
2																		
3																		

7. Dự kiến kết quả đạt được

Nêu các kết quả dự kiến đạt được, các đóng góp mới về khoa học và thực tiễn.

8. Danh mục tài liệu tham khảo mà thí sinh đã cập nhật làm cơ sở đề xuất đề tài tiến sĩ

Danh mục tài liệu tham khảo trình bày theo quy định. Trình bày tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt trước (xếp tên tác giả theo alphabet) và tài liệu tiếng Anh sau (xếp tên tác giả theo alphabet).

Mẫu trang bìa chính

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**ĐỀ CƯƠNG
DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH KHÓA/20...**

Tên đề tài:

“.....”

Tên dự tuyển: Nguyễn Văn A

Cơ quan công tác:

Hà Nội, tháng .../20....

Mẫu trang bìa phụ

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**ĐỀ CƯƠNG
DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH KHÓA/20...**

Tên đề tài:

“.....”

Chuyên ngành đào tạo:

Mã số:

Tên dự tuyển: Nguyễn Văn A

Cơ quan công tác:

Người hướng dẫn khoa học:

1.....

2.....

Hà Nội, tháng .../20...

ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ
(Tại Học viện và các Viện nghiên cứu chuyên ngành trực thuộc
Viện Hàn lâm KHCNVN)

1. Tại Hà Nội (Cơ sở 1):

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
1.	Học viện Khoa học và Công nghệ , Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A21	0945050052 ThS. Trần Phương Thúy 0916467768 CV. Phạm Thị Như Quỳnh
2.	Viện Sinh thái tài nguyên và môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A11	04.3756.5944 0912142843 (TS. Nguyễn Thị Thanh Hương)
3.	Viện Vật lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Số 10 Đào Tấn, Ba Đình, Hà Nội	0946120297 CV. Nguyễn Thị Ngọc Bích 0904791515 CV. Nguyễn Thị Diệu Hồng
4.	Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A5	0982111984 CV. Trần Thị Phương Thảo
5.	Viện Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A18	0979847880 CV. Nguyễn Thị Hiếu
6.	Viện Hóa học Các Hợp chất thiên nhiên, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà 1H	0978553484 CV. Nguyễn Thị Thủy
7.	Viện Hóa sinh biển, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà B1	0974517582 CV. Đỗ Thị Mừng
8.	Viện Cơ học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	264 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	0942379889 CV. Lành Thị Thúy Thanh
9.	Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A27	0978855525 CV. Hoàng Thị Hà
10.	Viện Địa chất, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Ngõ 84 Phố Chùa Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	0949276076 CV. Phạm Thanh Đăng
11.	Viện Vật lý địa cầu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A8	0912823488 Nguyễn Hữu Tuyên
12.	Viện Địa chất và Địa vật lý biển, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A27	0904052829 CV. Ngô Bích Hương

13.	Viện Khoa học năng lượng, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A9	0948439484 CV. Nguyễn Thị Thu Dung
14.	Viện Khoa học vật liệu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội	0904240787 CV. Trịnh Thị Xuân Trang
15.	Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A3	0904739189 TS. Nguyễn Long Giang
16.	Viện Công nghệ sinh học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A10	0985080377 ThS. Bùi Thị Hải Hà
17.	Viện Công nghệ môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A30	0983081522 Ths. Hoàng Thị Thu Hằng
18.	Viện Công nghệ vũ trụ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội	0915059662 TS. Lại Anh Khôi
19.	Viện Kỹ thuật nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A12, A13	0983499058 TS. Phạm Thị Năm
20.	Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A20	0984956535 CV. Trần Thị Phương Anh
21.	Trung tâm Phát triển công nghệ cao, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Khu thử nghiệm Công nghệ Nghĩa Đô	0983416689 CN. Hoàng Thị Thu Linh
22.	Viện Vật lý ứng dụng và Thiết bị khoa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A26	0913216411 TS. Nguyễn Thanh Bình
23.	Viện Nghiên cứu hệ gen, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội Nhà A17	0988917237 TS. Nguyễn Thị Thanh Ngân
24.	Trung tâm Đào tạo, Tư vấn và Chuyên giao công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội	0962356871 Nguyễn Thị Hồng Quyên

2. Tại TP. Hồ Chí Minh (Cơ sở 2):

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
1.	Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	08 38222068 0932093007 CV. Nguyễn Thị Thanh Thảo
2.	Viện Sinh thái học miền Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	0908080761 CV. Phạm Hồng Mỹ Kim
3.	Viện Công nghệ Hóa học, Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	0914317337 ThS. Nguyễn Thị Hồng Nơ

4.	Viện Vật lý TP. Hồ Chí Minh, Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	0907805405 CV. Nguyễn Thị Thùy Dung
5.	Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	9/621 Xa lộ Hà Nội, khu phố 6, P. Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	0989986781 CV. Nguyễn Thị Hiền Lương
6.	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Số 01A đường Thạnh Lộc 29, phường Thạnh Lộc, quận 12, TP. Hồ Chí Minh	01683502458 CV. Ngô Thị Lan
7.	Viện Cơ học và Tin học ứng dụng, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	291 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	0903932973 Bùi Tiến Điều
8.	Viện Địa lý tài nguyên TP. Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	0979797710 CV Lê Thị Ngọc Tiểu

3. Tại TP. Nha Trang (Cơ sở 3):

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
1.	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Số 2, Hùng Vương, Nha Trang, Khánh Hòa	0932416625 CV. Trần Minh Trang
2.	Viện Hải Dương học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Số 1 Cầu Đá, Nha Trang, Khánh Hòa	0983 883 559 TS. Hồ Văn Thệ

4. Tại TP. Đà Lạt (Cơ sở 4):

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
2.	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	116 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Đà Lạt, Lâm Đồng	0948822664 CV. Hoàng Thị Thu Thảo

5. Tại TP. Hải Phòng (Cơ sở 5)

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
1.	Viện Tài nguyên và Môi trường biển, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	246 phố Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	0912413666 TS. Dương Thanh Nghị

6. Tại Huế (Cơ sở 6):

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại
1.	Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	321 Huỳnh Thúc Kháng, phường Phú Hòa, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	0905103561 TS. Hoàng Ngọc Lin

DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

STT	Ngành dự tuyển	Ngành phù hợp
1.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
2.	Vật lý nguyên tử	Vật lý nguyên tử, Kỹ thuật hạt nhân
3.	Vật lý chất rắn	Vật lý chất rắn
4.	Quang học	Quang học
5.	Hóa lý thuyết và Hóa lý	Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa hữu cơ, hóa dầu, hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa phân tích, Hóa vô cơ, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Kim loại học, Khoa học môi trường, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học
6.	Hóa phân tích	Hóa phân tích, Hóa hữu cơ, hóa dầu, hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa vô cơ, Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Kim loại học, Khoa học môi trường, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học
7.	Hóa hữu cơ	Hóa hữu cơ, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa vô cơ, hóa dầu, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Kim loại học, Khoa học môi trường, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học
8.	Kỹ thuật hóa học	Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật vật liệu, Hóa hữu cơ, hóa dầu, Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Kim loại học, Khoa học môi trường, Hóa vô cơ, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học
9.	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa dầu và xúc tác hữu cơ, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và hóa lý, Hóa môi trường, Hóa dược, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Hóa sinh học
10.	Hóa vô cơ	Hóa hữu cơ, hóa dầu, hóa học các hợp chất thiên nhiên, Hóa phân tích, Hóa lý thuyết và Hóa lý, Hóa môi trường, Vật liệu điện tử, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Kim loại học, Khoa học môi trường, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật môi trường, Hóa sinh học
11.	Sinh thái học	Sinh thái học
12.	Thực vật học	Thực vật học
13.	Ký sinh trùng học	Ký sinh trùng học
14.	Côn trùng học	Côn trùng học
15.	Kỹ thuật môi trường	Khoa học - công nghệ, Kỹ thuật sinh học, Hóa học, Hoá lý, các quá trình thiết bị công nghệ hoá học.
16.	Tuyển trùng học	Tuyển trùng học

17.	Động vật học	Động vật học
18.	Cơ kỹ thuật	Cơ kỹ thuật, Công nghệ Cơ điện tử, Tự động hóa, Kỹ thuật hàng không, ngành Điều khiển tự động, Thủy văn, Khí tượng, Hải dương học, Tin học xây dựng, Kỹ thuật công trình xây dựng...
19.	Cơ vật rắn	Cơ chất rắn, toán – cơ, Vật lý chất rắn, Vật lý lý thuyết và vật lý toán, Khoa học vật liệu, ...
20.	Cơ chất lỏng	Cơ chất lỏng, Thủy văn học, Khí tượng, Hải dương học, toán - cơ ...
21.	Địa lý tự nhiên	Địa lý tự nhiên, Khí tượng và khí hậu học, Địa lý tài nguyên và môi trường, Quản lý tài chuyên và môi trường, Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Địa lý học, Quản lý đất đai
22.	Địa lý tài nguyên và môi trường	Địa lý tự nhiên, Địa lý học, Địa lý tài nguyên và môi trường, Quản lý tài chuyên và môi trường, Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Địa chất thủy văn, Địa chất công trình
23.	Thủy văn học	Thủy văn học, Kỹ thuật tài nguyên nước, Khoa học trái đất, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường...
24.	Vật liệu điện tử	Vật lý, Vật lý kỹ thuật, Công nghệ nano, Khoa học vật liệu, Vật liệu điện tử, Quang học, Hóa học, Dược học.
25.	Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử	Vật lý, Vật lý kỹ thuật, Quang học, Công nghệ nano, Khoa học vật liệu, Hóa học, Dược học.
26.	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp	Hóa học, Vật liệu cao phân tử và tổ hợp, Dược học.
27.	Kim loại học	Vật lý, Luyện kim (Kim loại đen, luyện kim màu, nhiệt luyện, xử lý bề mặt), Khoa học vật liệu, công nghệ cơ khí, công nghệ vật liệu, công nghệ gia công vật liệu
28.	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính
29.	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin
30.	Toán ứng dụng	Toán ứng dụng
31.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
32.	Cơ sở toán học cho tin học	Cơ sở toán học cho tin học
33.	Địa chất học	Khoa học Môi trường, Môi trường đất và nước, Bản đồ viễn thám và hệ thống tin địa lý, Quản lý tài nguyên và môi trường
34.	Khoáng vật học và địa hóa học	Địa chất học, Khoa học Môi trường, Môi trường đất và nước
35.	Địa mạo và Cổ địa lý	Địa lý tự nhiên, Địa lý Tài nguyên và Môi trường, Địa chất học, Quản lý Tài nguyên và Môi trường
36.	Địa vật lý	Địa chất học, Kỹ thuật địa vật lý, Kỹ thuật thăm dò và khảo sát

37.	Vật lý Địa cầu	Khí tượng và khí hậu học, Thiên văn học, Khoa học môi trường, Môi trường không khí...
38.	Thủy sinh vật học	Sinh thái học, Công nghệ sinh học, Nuôi trồng thủy sản, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Thực vật học, Động vật học, Côn trùng học (Côn trùng mặt nước), Tuyển trùng học (tuyển trùng biển), Sinh học thực nghiệm, Sinh học – môi trường.
39.	Sinh lý học người và động vật	Sinh lý học người và động vật, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Hóa sinh học, Chăn nuôi, Thú y, Bệnh lý học và chữa bệnh thủy sản.
40.	Vi sinh vật học	Vi sinh vật học, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Vỵ sinh y học.
41.	Sinh lý học thực vật	Sinh lý học thực vật, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học.
42.	Hóa sinh học	Hóa sinh học, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Hóa môi trường, Hóa sinh dược.
43.	Di truyền học	Di truyền học, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Di truyền và chọn giống cây trồng, Chăn nuôi, Lâm học.
44.	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học, Sinh học thực nghiệm, Di truyền học, Sinh học thực nghiệm, Di truyền và chọn giống cây trồng, Chăn nuôi, Lâm học, Sinh lý học người và Động vật, Thú y, Bệnh lý học và chữa bệnh thủy sản, Vi sinh vật học, Vỵ sinh y học, Sinh lý học thực vật, Hóa sinh học, Hóa sinh dược.
45.	Lý sinh học	Lý sinh học, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Lý sinh y học.

**DANH MỤC HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ DANH SÁCH CÁC
NHÀ KHOA HỌC THAM GIA HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH**

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS
Khoa Vật lý		
1	Vật lý Lý thuyết về các hệ có kích thước nanomet. (Cụ thể: khảo sát sự truyền dẫn nhiệt điện trong các chấm lượng tử khi hệ ở trạng thái không cân bằng)	TS. Nguyễn Thị Kim Thanh
2	Nghiên cứu đặc trưng phổ và thời gian của laser sử dụng môi trường hoạt chất chất màu pha tạp vật liệu cấu trúc nano	PGS. TS. Đỗ Quang Hòa
3	Lý thuyết tương đối tổng quát và các mở rộng và các ứng dụng vũ trụ học	PGS. TS. Nguyễn Anh Kỳ TS. Nguyễn Thị Hồng Vân
4	Nhóm lượng tử, siêu đối xứng, không nhiều chiều và các vấn đề liên quan	PGS. TS. Nguyễn Anh Kỳ TS. Nguyễn Thị Hồng Vân
5	Vật lý tại LHC và ILC	PGS. TS. Nguyễn Anh Kỳ TS. Nguyễn Thị Hồng Vân
6	Vật lý neutrino, vật lý hạt Higgs và vũ trụ học	PGS. TS. Nguyễn Anh Kỳ TS. Nguyễn Thị Hồng Vân
7	Nghiên cứu hiệu ứng quang nhiệt của các cấu trúc nano kim loại và ứng dụng trong diệt tế bào	PGS.TS Trần Hồng Nhung TS. Nguyễn Trọng Nghĩa
8	Nghiên cứu chuyển pha trong các hệ từ bằng phương pháp mô phỏng Monte-Carlo Nghiên cứu cấu trúc của Protein bằng phương pháp mô phỏng Động lực học phân tử	TS. Ngô Văn Thanh
9	Sự truyền của sóng siêu âm trong một số mô hình xương. Hiện tượng vận chuyển spin trong các vật liệu bán dẫn.	TS. Nguyễn Thị Lâm Hoài
Khoa Hóa học		
10	Nghiên cứu, xây dựng các quy trình công nghệ xử lý chất hữu cơ, vô cơ và kim loại nặng trong nước thải, nước sinh hoạt.	GS.TS. Lê Quốc Hùng PGS.TS. Lê Thị Hoài Nam PGS.TS. Lê Văn Cát
11	Nghiên cứu các phương pháp và thiết bị khảo sát, quan trắc và đánh giá chất lượng nước.	PGS.TS. Nguyễn Đình Tuyển PGS.TS. Phan Thị Bình PGS.TS. Thành Thị Thu Thủy PGS.TS. Vũ Anh Tuấn
12	Sử dụng các phương pháp phân tích hoá lý hiện đại và các phần mềm chuyên dụng để phân tích cấu trúc chất; nghiên cứu tương quan định lượng giữa cấu trúc và hoạt tính (QSAR) cũng như động học và cơ chế của các hệ hoá học và sinh học.	PGS.TS. Lê Xuân Quế PGS.TS. Đinh Thị Mai Thanh PGS.TS. Nguyễn Tuấn Dung PGS.TS. Trần Thị Thanh Vân

13	<p>- Nghiên cứu các phản ứng điện hoá nhằm chế tạo các nguồn điện chất lượng cao và các hiệu ứng trong xử lý kim loại và bảo vệ kim loại, chống ăn mòn.</p> <p>- Tổng hợp các vật liệu vô cơ có kích thước tinh thể nano và kích thước mao quản nano ứng dụng làm chất xúc tác hấp thụ trong các chuyển hóa hóa học (đặc biệt là trong lọc hóa dầu) và cho các phản ứng xử lý ô nhiễm bảo vệ môi trường.</p>	<p>TS. Đào Hải Yến TS. Hoàng Vinh Thăng TS. Phạm Hồng Phong TS. Trần Thị Kim Hoa TS. Lê Bá Thăng TS. Ưông Văn Vỹ TS. Hồ Thu Hương TS. Lê Trọng Lưu TS. Ngô Thanh Dung TS. Lê Thu Quý TS. Nguyễn Tuấn Anh TS. Lê Thị Mỹ Hạnh</p>
14	Tuyển và tinh chế đất hiếm.	<p>PGS.TS. Đặng Tuyết Phương PGS.TS. Đào Quốc Hương PGS.TS. Nguyễn Tiến Tài PGS.TS. Phan Thị Ngọc Bích TS. Vũ Duy Hiền PGS.TS. Trần Đại Lâm</p>
15	Nghiên cứu chiết tách các nguyên tố đất hiếm và chế tạo các vật liệu có kích thước nanomet từ các sản phẩm thu được.	
16	Tổng hợp các vật liệu vô cơ có hoạt tính sinh học, tổng hợp các vật liệu vô cơ kích thước nano.	
17	Nghiên cứu các hợp chất và vật liệu vô cơ có nhiều khả năng ứng dụng trong xử lý môi trường và dược học và y sinh học.	
18	Nghiên cứu chế tạo, đặc trưng tính chất của một số loại oxit kim loại có tính năng đặc biệt kích thước nanomet	
19	Nghiên cứu các căn cứ khoa học tăng độ nhạy, độ chính xác và tính chọn lọc của các phương pháp phân tích hoá lý và vật lý hiện đại xác định vết các chất.	<p>PGS.TS. Vũ Thị Thu Hà TS. Dương Tuấn Hưng TS. Lưu Thị Nguyệt Minh TS. Trịnh Anh Đức TS. Vũ Đức Lợi</p>
20	Nghiên cứu phát triển, hoàn thiện, thích nghi, tối ưu, chuẩn hoá các phương pháp phân tích tiên tiến xác định chính xác cao loại, lượng, nhóm chức và cấu trúc các chất, các hợp chất	
21	Điều tra, nghiên cứu nguồn tài nguyên sinh học trên mặt đất và dưới biển của Việt Nam. Phát hiện các chất có khả năng dùng làm thuốc chữa bệnh cho người, gia súc và cây trồng; các chất sử dụng trong ngành hương liệu, mỹ phẩm, nông nghiệp và đời sống.	
22	Các chất có hoạt tính sinh học: Tiến hành tổng hợp và bán tổng hợp các chất có giá trị kinh tế, khoa học cao để sử dụng trong y dược học, hương liệu, mỹ phẩm, nông nghiệp, công nghiệp và các ngành khác.	<p>GS. Nguyễn Văn Tuyển GS.TSKH. Trần Văn Sung PGS.TS. Lưu Đức Huy PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Anh PGS.TS. Phạm Gia Điền PGS.TS. Trịnh Thị Thủy TS. Bùi Kim Anh TS. Đặng Thị Tuyết Anh TS. Đoàn Duy Tiên TS. Dương Ngọc Tú TS. Hồ Văn Khánh TS. Ngô Quốc Anh TS. Nguyễn Ngọc Tuấn TS. Nguyễn Quang Trung TS. Nguyễn Quyết Tiến TS. Nguyễn Thanh Tâm TS. Phạm Thủy Linh</p>
23	Nghiên cứu về hoá học, biến đổi hoá học các hợp chất cao phân tử cũng như khoa học các vật liệu có tính năng đặc biệt, các vật liệu tiên tiến trên cơ sở polyme, polyme thiên nhiên để sử dụng trong các ngành: y dược học, điện tử, quang tử, nông nghiệp, thực phẩm, bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng.	

24	Nghiên cứu triển khai các công nghệ tiên tiến để chế tạo các vật liệu cao cấp trên cơ sở polyme.	TS. Trần Đức Quân TS. Trần Thị Phương Thảo TS. Trần Văn Lộc TS. Trương Thị Thanh Nga
----	--	---

25	Vật liệu hữu cơ trên cơ sở polyme	GS.TS. Châu Văn Minh TS. Nguyễn Xuân Cường TS. Nguyễn Hoài Nam TS. Hoàng Lê Tuấn Anh TS. Phạm Hải Yến TS. Trần Hồng Quang TS. Nguyễn Xuân Nhiệm TS. Nguyễn Tiến Đạt TS. Nguyễn Hải Đăng GS.TS. Nguyễn Văn Hùng PGS.TSKH. Phạm Văn Cường TS. Nguyễn Thị Minh Hằng TS. Đoàn Thị Mai Hương TS. Trương Bích Ngân TS. Nguyễn Quốc Vượng TS. Trịnh Thị Thanh Vân PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Cúc TS. Lê Thị Hồng Minh TS. Lê Nguyễn Thành TS. Trần Mỹ Linh TS. Lê Quỳnh Liên TS. Nguyễn Văn Thanh TS. Cao Thị Huệ TS. Bùi Hữu Tài GS.TS. Nguyễn Văn Khôi GS.TS. Thái Hoàng PGS.TS. Đỗ Quang Kháng PGS.TS. Ngô Trịnh Tùng PGS.TS. Phạm Hữu Lý PGS.TS. Lê Xuân Hiền PGS.TS. Tô Thị Xuân Hằng PGS.TS. Trịnh Anh Trúc TS. Đinh Gia Thành TS. Hoàng Mai Hà TS. Lê Anh Tuấn TS. Nguyễn Quang Huy TS. Nguyễn Thanh Tùng TS. Nguyễn Thị Hiếu Hà TS. Phạm Thị Bích Hạnh TS. Phạm Thị Thu Hà TS. Trần Thị Ý Nhi TS. Trịnh Đức Công TS. Nguyễn Vũ Giang TS. Đào Thế Minh TS. Đỗ Văn Công TS. Nguyễn Thiên Vương TS. Phạm Gia Vũ TS. Nguyễn Thị Thái
----	-----------------------------------	--

26	Nghiên cứu công nghệ khai thác và chế biến các hợp chất thiên nhiên	GS.TS. Phạm Quốc Long PGS.TSKH. Nguyễn Xuân Nguyên PGS.TS. Lê Thị Mai Hương PGS.TS. Ngô Kim Chi TS. Lê Thị Phương Quỳnh TS. Phan Thanh Thảo TS. Hoàng Thị Kim Dung TS. Bùi Thanh Hương TS. Đào Thanh Hùng TS. Nguyễn Văn Khoa TS. Hoàng Tiến Cường TS. Đặng Chí Hiền TS. Mai Đình Trị TS. Lê Tiến Dũng TS. Nguyễn Thị Kim Phượng TS. Phạm Cao Thanh Tùng TS. Văn Việt TS. Mai Thành Chí TS. Nguyễn Hữu Huy Phúc TS. Nguyễn Anh Tuấn TS. Đinh Sơn Thạch TS. Đỗ Mạnh Huy TS. Nguyễn Hữu Toàn Phan PGS.TS. Hồ Sơn Lâm PGS.TS. Nguyễn Đình Thành PGS.TS. Nguyễn Cửu Khoa PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn TS. Cù Thành Sơn TS. Nguyễn Quốc Thiết TS. Nguyễn Văn Quý TS. Nguyễn Hoàng Duy TS. Lương Thị Bích TS. Nguyễn Đại Hải TS. Trần Ngọc Quyền TS. Bùi Duy Du TS. Lại Thị Kim Dung TS. Nguyễn Thị Thu Thảo TS. Võ Nguyễn Đăng Khoa TS. Hồ Việt Anh TS. Phạm Hữu Thiện TS. Đinh Xuân Lộc TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy TS. Hồ Sơn Long TS. Vũ Anh Quang
27	Nghiên cứu quá trình công nghệ và thiết bị chuyển hóa học phế thải thực vật thành nhiên liệu khí sinh học.	
28	Nghiên cứu quá trình công nghệ và thiết bị thu hồi protein, poly-saccharide từ phụ phẩm chế biến thực phẩm, hải sản ứng dụng trong sản xuất thực phẩm chức năng	
29	Tái chế chất thải công nghiệp trong chế biến khoáng sản và luyện kim	
30	Chế biến khoáng sản chứa Phốt pho và Nhôm	
31	Công nghệ sản xuất và ứng dụng chất keo tụ hiệu quả cao	

32	Nghiên cứu khai thác các chất có hoạt tính sinh học trong tài nguyên sinh vật, vi sinh vật ở đất liền và dưới biển, chuyển hóa và tổng hợp chúng thành các chất có giá trị cao phục vụ công nghiệp dược, nông nghiệp và xuất khẩu.	GS.TS. Phạm Quốc Long PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường PGS.TS. Lê Mai Hương TS. Lê Minh Hà TS. Lưu Văn Chính TS. Phạm Thị Hồng Minh TS. Đoàn Lan Phương TS. Trần Thị Thu Thủy TS. Đỗ Hữu Nghị TS. Nguyễn Thị Hồng Vân TS. Trần Thị Như Hằng TS. Hà Việt Hải TS. Chăm Thị Ính TS. Lê Hữu Cường TS. Trịnh Thị Thu Hương
33	Nghiên cứu nguồn tinh dầu, hương liệu từ đó tinh chế những đơn chất có giá trị phục vụ cho các ngành công nghiệp và xuất khẩu.	
34	Nghiên cứu công nghệ phục vụ cho các ngành công nghiệp về các lĩnh vực hóa học các hợp chất thiên nhiên, công nghiệp dược và thực phẩm/thực phẩm chức năng.	
35	Xây dựng, triển khai đánh giá hoạt tính sinh học; các phương pháp phân tích thành phần dược liệu thiên nhiên và tổng hợp, phân tích cấu trúc các hợp chất thiên nhiên.	
	Khoa cơ học và tự động hóa	
36	Mô phỏng số dòng chảy nhiều pha lỏng khí, lỏng hơi áp dụng trong khai thác dầu khí, tính toán thủy nhiệt lò phản ứng hạt nhân, ...	GS.TSKH. Dương Ngọc Hải
37	Đo đạc trường các đặc trưng (vận tốc, mật độ pha, ...) dòng chảy hỗn hợp lỏng - khí hoặc hơi bằng sóng siêu âm và các phương pháp khác.	GS.TSKH. Dương Ngọc Hải
38	Xây dựng mô hình, đo đạc thí nghiệm và mô phỏng số ngập lụt thành phố.	GS.TSKH. Dương Ngọc Hải
39	Chuyển động vật thể nổi, ngấm trong môi trường nước có xét đến khả năng có xuất hiện và ảnh hưởng của khoang hơi.	GS.TSKH. Dương Ngọc Hải
40	Dao động phi tuyến trong các hệ kỹ thuật	GS.TSKH. Nguyễn Đông Anh
41	Điều khiển dao động trong các hệ kỹ thuật	GS.TSKH. Nguyễn Đông Anh
42	Nghiên cứu các thiết bị tiêu tán năng lượng, tường tiêu sóng	GS.TSKH. Nguyễn Đông Anh
43	Giảm dao động bằng các bộ hấp thụ động lực dạng phi tuyến hoặc bán tích cực	TS. Lã Đức Việt
44	Giảm rung lắc và điều khiển dây treo cân cầu	TS. Lã Đức Việt
45	Giảm dao động của trục rotor bằng bộ cản bán tích cực	TS. Lã Đức Việt

46	Khuếch đại năng lượng từ dao động	TS. Lã Đức Việt
47	Điều khiển lực và vị trí cho robot	TS. Phạm Văn Bạch Ngọc
48	Haptic devices and Tele-operation	TS. Phạm Văn Bạch Ngọc
49	Compliance device	TS. Phạm Văn Bạch Ngọc
50	Thiết kế và điều khiển robot chuỗi, robot song song	TS. Phạm Văn Bạch Ngọc
51	Thiết kế cấu trúc và xây dựng mô hình mẫu	TS. Phạm Văn Bạch Ngọc
52	Cơ lý tính vật liệu nhiều thành phần (Đồng nhất hóa)	PGS TSKH. Phạm Đức Chính
53	Tải trọng tối hạn với các kết cấu đàn dẻo (Thích nghi)	PGS TSKH. Phạm Đức Chính
54	Sử dụng năng lượng thuốc nổ để phá đá trong xây dựng thủy lợi, giao thông, khai thác khoáng sản và xây dựng công trình ngầm.	PGS.TS. Nguyễn Xuân Mãn
55	Nghiên cứu địa cơ học phục vụ thiết kế-thi công công trình.	PGS.TS. Nguyễn Xuân Mãn
56	Khai thác không gian ngầm trong quy hoạch đô thị hiện đại	PGS.TS. Nguyễn Xuân Mãn
57	Mô hình hóa và điều khiển rô bốt (công nghiệp và di động)	PGS. TSKH. Phạm Thượng Cát
58	Mô hình hóa và Điều khiển nhịp sinh trưởng của cây trồng	PGS. TSKH. Phạm Thượng Cát
59	Điều khiển động cơ xoay chiều sử dụng mạng nơ ron nhân tạo	PGS. TSKH. Phạm Thượng Cát
60	Phối hợp đa cảm biến và điều khiển tự thế vệ tinh	PGS. TSKH. Phạm Thượng Cát
61	Ứng dụng mạng nơ ron tế bào trong xử lý ảnh và đồng bộ hệ hỗn loại	PGS. TSKH. Phạm Thượng Cát
62	Cơ học phá hủy, hư hại (fracture, damage)	TS. Nguyễn Trường Giang
63	Phần tử hữu hạn mở rộng (XFEM)	TS. Nguyễn Trường Giang
64	Tính toán kết cấu ở thang micro mét (tiến tới nano mét)	TS. Nguyễn Trường Giang
65	Cân bằng máy	TS. Nguyễn Trường Giang
66	Phương pháp phần tử hữu hạn trong phân tích ứng xử kết cấu có yếu tố phi tuyến hình học và vật liệu	TS. Nguyễn Đình Kiên
67	Mô phỏng số phân tích đáp ứng động lực học của kết cấu, công trình	TS. Nguyễn Đình Kiên
68	Cơ học vật rắn biến dạng, động lực học kết cấu, giám sát kết cấu, xử lý tín hiệu cơ học	PGS.TS. Nguyễn Việt Khoa
69	Nghiên cứu và phát triển mô hình số tự động cảnh báo và dự báo ngập lụt khu vực đô thị do mưa lớn	PGS. TS. Hoàng Văn Lai
70	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp không lưới giải một số bài toán cơ học	PGS. TS. Hoàng Văn Lai
71	Điều khiển tự động Tự động hóa - Cơ điện tử Các hệ thống nhúng	PGS.TS. Phạm Mạnh Thắng
	Khoa Các khoa học trái đất	
72	Kiến tạo và địa động lực hiện đại	GS.TS. Phan Trọng Trịnh PGS.TS. Vy Quốc Hải TS. Văn Đức Tùng PGS.TS. Doãn Đình Lâm
73	Kiến tạo và sinh khoáng	
74	Magma –kiến tạo	
75	Trầm tích học	
76	Kỹ thuật môi trường	

77	Địa chất thủy văn và địa chất công trình	TS. Bùi Văn Thơm
78	Địa chất Đệ tứ và vỏ phong hóa	TS. Phạm Văn Hùng
79	Tai biến địa chất	TS. Nguyễn Văn Hùng
80	Địa chất biển	TS. Phùng Văn Phách
81	Trắc địa và viễn thám trong địa chất;	TS. Phí Trường Thành
82	Khoáng sản và Di sản địa chất	TS. Lê Văn Dũng TS. Nguyễn Hữu Tuyên PGS.TS. Trần Đức Thạnh TS. Nguyễn Siêu Nhân PGS.TS Tạ Thị Kim Oanh
83	Thạch luận đá magma và biến chất	PGS.TSKH. Trần Trọng Hòa
84	Khoáng vật và đồng vị	PGS.TS. Phạm Tích Xuân
85	Địa hóa và địa hóa học ứng dụng	PGS.TSKH. Trần Quốc Hùng
86	Địa hóa đồng vị	PGS.TS. Nguyễn Viết Ý
87	Vỏ phong hóa	TS. Trần Tuấn Anh PGS.TS. Nguyễn Trung Minh
88	Thạch học	TS. Nguyễn Hoàng TS. Phan Lưu Anh TS. Bùi Ân Niên TS. Phạm Thị Dung PGS.TS. Nguyễn Trung Minh
89	Tai biến địa chất và địa mạo	PGS.TS. Nguyễn Văn Lập TS. Phan Đông Pha PGS.TS. Ưông Đình Khanh TS. Trần Quốc Cường
90	Địa mạo nhiệt đới	TS. Ngô Văn Liêm
91	Địa mạo thô nhưỡng	TS. Đinh Văn Thuận
92	Địa mạo biển và hải đảo	TS. Mai Thành Tân TS. Đinh Văn Huy
93	Trầm tích Đệ tứ	TS. Nguyễn Tiến Hải TS. Lại Anh Khôi
94	Cổ từ	PGS.TS. Nguyễn Văn Giảng PGS.TS. Cao Đình Triều TS. Lưu Thị Phương Lan TS. Võ Thanh Sơn PGS.TS. Đinh Văn Toàn
95	Địa vật lý thăm dò	TS. Cung Thượng Chí TS. Hoàng Văn Vượng TS. Trần Tuấn Dũng TS. Nguyễn Như Trung TS. Dương Quốc Hưng
96	Địa Vật lý trái đất (địa chấn, động đất, sóng thần...)	
97	Địa từ và điện ly	TSKH. Ngô Thị Lư PGS.TS. Nguyễn Hồng Phương PGS.TS. Hà Duyên Châu
98	Vật lý khí quyển	TS. Nguyễn Xuân Anh TS. Lê Huy Minh TS. Võ Thanh Sơn

99	Bức xạ khí quyển	TS. Nguyễn Ánh Dương TS. Phạm Xuân Thành TS. Trần Thị Mỹ Thành TS. Phạm Thị Thu Hồng
100	Khí hậu và biến đổi khí hậu	TS. Nguyễn Lê Minh TS. Nguyễn Văn Dương TS. Lê Tử Sơn
Khoa Khoa học và Công nghệ biển		
101	Sinh thái học và quản lý, phục hồi rạn san hô	PGS. TS. Võ Sĩ Tuấn
102	Sinh học và nguồn lợi thủy sản; Sinh thái quần xã động vật biển	TS. Võ Văn Quang
103	Sinh thái biển và mô hình sinh thái biển.	TS. Nguyễn Hữu Huân
Khoa Địa lý		
104	- Vật lý khí quyển, khí hậu, khí tượng, viễn thám.	TS. Nguyễn Xuân Anh
105	- Khoa học đất; - Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; - Đánh giá và giảm nhẹ thiên tai.	TS. Lưu Thế Anh
106	- Xây dựng CSDL và phần mềm khai thác dữ liệu GIS cho môi trường, sử dụng đất, quản lý đô thị... - Ứng dụng Ontology vào quản lý và khai thác dữ liệu GIS; - Xây dựng các ứng dụng WebGIS.	TS. Trần Thái Bình
107	- Phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; - Địa lý ứng dụng nhằm quản lý, khai thác và bảo vệ môi trường vùng cửa sông ven biển; - Địa lý tài nguyên và môi trường	TS.Đào Đình Châm
108	- Địa lý tài nguyên và môi trường; - Khoa học đất; - Địa lý thổ nhưỡng và tài nguyên đất	TS. Nguyễn Mạnh Hà
109	- Địa lý tài nguyên và môi trường; - Địa lý thủy văn và tài nguyên nước; - Ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu, quản lý tài nguyên thiên nhiên và sử dụng hợp lý lãnh thổ, phòng chống giảm nhẹ thiên tai; - Biến đổi khí hậu và tài nguyên nước.	TS.Phan Thị Thanh Hằng
110	- Phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; - Sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên môi trường; - Ứng dụng viễn thám và GIS trong nghiên cứu tài nguyên thiên nhiên và phòng tránh thiên tai.	TS. Lê Thị Thu Hiền
111	- Địa mạo biển	TS.Hoa Mạnh Hùng
112	- Địa lý tài nguyên và môi trường; - Địa lý kinh tế - xã hội.	TS. Lê Văn Hương

113	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng nghiên cứu: Bồn trầm tích, địa mạo trầm tích ven biển, thay đổi mực nước biển - Đang hướng dẫn: 03 NCS về địa mạo-trầm tích Holocene và thay đổi đường bờ biển; địa chất trầm tích Holocene và ứng dụng trong địa kỹ thuật; ô nhiễm arsen trong nước ngầm vùng đồng bằng châu thổ. 	PGS. TS. Nguyễn Văn Lập
114	Trầm tích đệ tứ, khoáng sản (trầm tích), xói lở bờ sông.	TS. Nguyễn Siêu Nhân
115	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng nghiên cứu: Trầm tích châu thổ, tiến hóa cổ địa lý và dao động mực nước biển Holocen, địa chất môi trường. - Đang hướng dẫn: 01 NCS về địa mạo-trầm tích - Holocene và thay đổi đường bờ biển. 	PGS. TS.Tạ Thị Kim Oanh
116	Tài nguyên nước dưới đất	TS. Lê Thị Thanh Tâm
117	Đề tài thuộc chương trình Tây nguyên 3: Nghiên cứu, đánh giá xung đột môi trường ở Tây Nguyên trong thời kỳ đổi mới và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững	TS.Lê Ngọc Thanh
118	Vật lý khí quyển, khí hậu, khí tượng, viễn thám	TS.Phạm Xuân Thành
119	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy địa hóa - Sinh thái thủy vực - Suy thoái đất - Môi trường nông nghiệp, môi trường nuôi trồng thủy sản 	TS. Nguyễn Thọ
120	<ul style="list-style-type: none"> - Khí hậu và biến đổi khí hậu; - Phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; - Sinh khí hậu; - Địa lý tài nguyên và môi trường. 	TS. Hoàng Lưu Thu Thủy
121	Ứng dụng viễn thám giám sát tài nguyên thiên nhiên, môi trường, nông lâm nghiệp và quản lý quy hoạch đô thị phục vụ điều tra, quy hoạch, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững	TS. Phạm Thị Mai Thy
122	<ul style="list-style-type: none"> - Tài nguyên nước và môi trường; - Địa lý tài nguyên và môi trường; - Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai. 	TS.Nguyễn Diệu Trinh

123	- Bản đồ, viễn thám và GIS; - Phòng tránh và giảm nhẹ tai biến thiên nhiên; - Sử dụng viễn thám trong nghiên cứu môi trường.	PGS.TS. Phạm Quang Vinh
Khoa Công nghệ thông tin và Viễn thông		
124	Khai phá dữ liệu và máy học	TS. Nguyễn Việt Anh
125	Toán ứng dụng	PGS.TS. Nguyễn Bường
126	Điều khiển hệ thống phức hợp nhiều thành phần (Hệ thống nhiều nguồn năng lượng tái tạo; Hệ thống nhiều loại mạng cảm biến không dây...)	PGS.TS Thái Quang Vinh
127	Mô hình hóa và điều khiển rô bốt (công nghiệp và di động)	PGS. TSKH. Phạm Thượng Cát
128	Mô hình hóa và Điều khiển nhịp sinh trưởng của cây trồng	PGS. TSKH. Phạm Thượng Cát
129	Điều khiển động cơ xoay chiều sử dụng mạng nơ ron nhân tạo	PGS. TSKH. Phạm Thượng Cát
130	Phối hợp đa cảm biến và điều khiển tư thế vệ tinh	PGS. TSKH. Phạm Thượng Cát
131	Ứng dụng mạng nơ ron tế bào trong xử lý ảnh và đồng bộ hệ hỗn loại	PGS. TSKH. Phạm Thượng Cát
132	CSDL đa phương tiện Khai phá dữ liệu không gian	PGS.TS. Đặng Văn Đức
133	Nâng cao hiệu năng mạng thế hệ mới	TS. Phạm Thanh Giang
134	Giải tích số, Giải số phương trình vi phân/đạo hàm riêng, Toán học tính toán, Tính toán khoa học.	TS. Vũ Thái Luân
135	Hệ thống thông tin, Khai phá dữ liệu, Tính toán đám mây	TS. Nguyễn Như Sơn
136	Công nghệ phần mềm, các phương pháp hình thức, an toàn và bảo mật thông tin.	TS. Nguyễn Trường Thắng
137	Khai phá dữ liệu và học máy Phân tích dữ liệu và ứng dụng	TS. Nguyễn Long Giang
138	Sinh tin học (Bioinformatics)	PGS.TS. Trần Văn Lãng
139	Lập luận xấp xỉ, hệ chuyên gia, hệ hỗ trợ quyết định, tính toán mềm	TS. Trần Thái Sơn Tạo
140	Nhận dạng và xử lý ảnh	PGS.TS. Ngô Quốc Tạo
		GIÁO VIÊN THỈNH GIẢNG
141	Toán ứng dụng và Khoa học máy tính (Computer Science0	TS. Nguyễn Công Điều

142	Lý thuyết đồ thị, lý thuyết độ phức tạp, lý thuyết thuật toán, Lý thuyết mật mã và an toàn thông tin ...	PGS. TSKH. Vũ Đình Hòa
143	Trí tuệ tính toán, Lập trình Gen, các phương pháp meta-heuristics, các thuật toán tối ưu ngẫu nhiên, học máy thống kê, Các kỹ thuật thông minh cho An ninh mạng, Tin học sinh thái, Các phương pháp dựa trên tìm kiếm trong công nghệ phần mềm (search-based software engineering)	PGS. TS. Nguyễn Xuân Hoài
144	Cơ sở dữ liệu, thuật toán, an toàn và bảo mật thông tin.	PGS.TSKH. Nguyễn Xuân Huy
145	Khai phá dữ liệu và Phân tích dữ liệu	PGS.TS. Đỗ Văn Thành
146	Cơ sở dữ liệu mờ, Khai phá tri thức từ dữ liệu, BigData và Cloud Computing.	TS.Trần Thiên Thành
147	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt dữ liệu ngôn ngữ (linguistic data summary) sử dụng cách tiếp cận mờ hoặc đại số gia tử. - Trích rút tri thức luật ngôn ngữ hoặc luật kết hợp mờ ngôn ngữ từ tập dữ liệu và ứng dụng giải một số bài toán như phân lớp, hồi quy, điều khiển mờ ... - Cơ sở dữ liệu mờ và ứng dụng - Lý thuyết đại số gia tử và các phương pháp luận dựa trên đại số gia tử và ứng dụng. 	PGS.TSKH. Nguyễn Cát Hồ TS. Trần Thái Sơn
	Khoa Công nghệ sinh học	

148	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu giàu sinh học, giàu axit béo omega-3-6 từ vi tảo biển của Việt Nam theo định hướng ứng dụng làm thực phẩm của Việt Nam. - Nghiên cứu squalen từ vi tảo biển Việt Nam theo định hướng là dược phẩm và mỹ phẩm. - Y sinh học phân tử, Miễn dịch học - Miễn dịch trong ung thư. - Sàng lọc các hợp chất tự nhiên có hoạt tính chống oxy hóa và chống ung thư. - Nghiên cứu biểu hiện và tinh chế enzym tái tổ hợp ở tế bào nấm men. - Khai thác nguồn gen thủy phân lignocellulose từ khu hệ sinh thái mini tiềm năng (ruột dê, khu thủy phân rom rạ). - Nghiên cứu hệ protein (proteome) người. - Các chất có hoạt tính sinh học và cơ chế đáp ứng với stress của môi trường <p>Tinh sạch lumbrokinase tái tổ hợp trong pichia pastoris. Đánh giá độ an toàn của sản phẩm và hiệu quả trên mô hình gây đột quy ở não chuột.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao khả năng sinh tổng hợp hoạt chất acarbose từ chủng Actinoplanes và tinh sạch hoạt chất định hướng ứng dụng vào điều trị bệnh đái tháo đường type 2. - Tinh sạch thrombin từ phổi bò ứng dụng tạo băng gạc cầm máu. - Nghiên cứu biểu hiện hệ enzyme từ nấm mốc aspergillus ứng dụng trong ngành chế biến hạt điều. - Nghiên cứu cơ chế gây độc của prodigiosin đối với mạng lưới nội chất trong tế bào nấm men. 	<p>PGS. Đặng Diễm Hồng PGS.TS. Lê Thanh Hòa TS. Đoàn Thị Thanh Hương PGS.TS. Lê Quang Huân TS. Trần Thị Thanh Huyền TS. Nguyễn Thị Minh Huyền TS. Bùi Văn Ngọc TS. Nguyễn Thị Kim Thoa PGS.TS. Trần Đình Mẫn GS.TS. Trương Nam Hải GS.TS. Phan Văn Chi PGS.TS. Nguyễn Bích Nhi TS. Lê Thị Bích Thảo TS. Nguyễn Thị Mai Phương TS. Lâm Đại Nhân TS. Đỗ Thị Tuyên TS. Nguyễn Sỹ Lê Thanh TS. Nguyễn Trung Nam</p>
149	<ul style="list-style-type: none"> - Virút, vắc xin. - Vi sinh vật dầu mỏ, Vi sinh môi trường. - Nghiên cứu hệ gen của virus và VSV gây bệnh. - Công nghệ lên men thức ăn chăn nuôi dạng lỏng. - Sản xuất chế phẩm Probiotic làm thức ăn chăn nuôi. - Tìm kiếm gen mã hóa P450 từ DNA metagenom ở suối nước nóng Bình Châu <p>Tìm kiếm gen mã hóa enzyme tham gia chuyển hóa nignoxenlulose từ DNA metagenom ở suối nước nóng Bình Châu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng vi sinh vật trong sản xuất bột giấy sinh học. - Thu hoạt chất kháng nấm từ vi sinh vật. 	<p>PGS.TS. Lê Thanh Hòa TS. Đoàn Thị Thanh Hương TS. Kiều Thị Quỳnh Hoa TS. Bùi Văn Ngọc TS. Vũ Văn Hạnh TS. Nguyễn Thị Kim Thoa PGS.TS. Trần Đình Mẫn TS. Phan Thị Hồng Thảo TS. Nguyễn Văn Hiếu TS. Phí Quyết Tiến TS. Nguyễn Phương Huệ TS. Đông Văn Quyền TS. Lê Thị Nhi Công</p>
150	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu metagenom của vi sinh vật trong các đầm nuôi tôm. - Nghiên cứu tính đa dạng di truyền của các baculovirus gây nhiễm sâu hại. 	<p>PGS.TS. Chu Hoàng Hà TS. Phạm Bích Ngọc TS. Lê Văn Sơn TS. Nguyễn Trung Nam TS. Nguyễn Thị Phương Thảo</p>

151	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn lọc và tạo giống bằng chỉ thị phân tử (lúa và ngô). - Khai thác và phát triển nguồn gen cây thuốc quý Thạch tùng răng cưa. - Nghiên cứu metagenom của vi sinh vật đất vùng rẫy ở cà phê. 	PGS.TS. Nguyễn Đức Thành TS. Lê Thị Bích Thủy PGS.TS. Chu Hoàng Hà TS. Phạm Bích Ngọc TS. Lê Văn Sơn
152	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tạo kháng thể đơn dòng để phát hiện dấu ấn ung thư phục vụ chẩn đoán sớm. - Nghiên cứu phát triển các phép thử sinh học phục vụ sàng lọc hoạt chất chữa trị ung thư. 	TS. Đỗ Thị Thảo
153	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích cộng đồng vi khuẩn phân giải lignocellulose bằng kỹ thuật DGGE. - Tạo dòng gen bằng kỹ thuật Metagenomics. - Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ lên các đặc điểm sinh học và khả năng thiết lập quần thể nhóm nhện nhỏ bắt mồi Phytoseiidae. - Nghiên cứu phân lập, nuôi cấy và đánh giá tính đa tiềm năng của tế bào gốc phôi bò giai đoạn phôi nang. - Nghiên cứu cải tiến qui trình đông lạnh phôi bò. - Đánh giá tính đa dạng di truyền của heo rừng Việt Nam dựa trên vùng D-loop DNA ty thể. - Mối quan hệ di truyền của heo bản địa Việt Nam dựa trên vùng cytochrome b DNA ty thể. - Nuôi cấy mô sẹo, phôi soma và rẫy bất định sâm Ngọc linh phục vụ nhân sinh khối qui mô bioreactor. - Nghiên cứu qui trình tạo rẫy tơ ở cây bạch hoa xà nuôi in vitro và khảo sát khả năng tạo Plumbagin. - Biên nạp gen vào thực vật. - Nuôi cấy mô tế bào thực vật. - Nghiên cứu sinh trưởng của rong nho trong điều kiện nuôi cấy in vitro phục vụ cho nghề nuôi trồng tại vùng biển Khánh Hòa. - Nghiên cứu sự sinh trưởng và tạo thân rẫy cây sâm Việt Nam in vitro dưới ảnh hưởng của một số điều kiện hóa lý của môi trường nuôi cấy quang tự dưỡng. - Nghiên cứu vi môi trường vật lý trong nhân giống thực vật. - Sinh lý và biến dưỡng cây trong trong vi nhân giống. - Công nghệ vi nhân giống quang tự dưỡng. - Nghiên cứu hoạt tính diệt một số loại muỗi truyền bệnh sốt rét, sốt xuất huyết và viêm não Nhật Bản của một số hoạt chất có nguồn gốc thảo mộc. 	TS. Nguyễn Thị Phương Thảo TS. Nguyễn Quốc Khánh TS. Hoàng Nghĩa Sơn TS. Nguyễn Hữu Hồ PGS.TS. Nguyễn Thị Quỳnh TS. Vũ Văn Độ TS. Phạm Bích Ngọc TS. Lê Văn Sơn PGS.TS. Chu Hoàng Hà TS. Đỗ Thị Thảo TS. Đỗ Văn Thu PGS.TS. Lê Quang Huân
	Khoa Khoa học vật liệu và Năng lượng	
154	Nghiên cứu và chế tạo cảm biến sinh-hóa dựa trên cấu trúc giao thoa ánh sáng trong cáp quang học	PGS.TS. Bùi Huy PGS.TS. Phạm Văn Hội
155	Nghiên cứu hiệu ứng từ nhiệt của một số vật liệu perovskite nền mangan R1-xMxMnO3 (R = La, Sm, Nd...; M = Ca, Sr, Ba...) giao giữa chuyển pha loại một và chuyển pha loại hai	TS. Trần Đăng Thành TS. Phan Thế Long

156	Phát triển công nghệ chế tạo vật liệu từ cứng MnBi chất lượng cao.	PGS.TSKH. Nguyễn Văn Vượng
157	Chế tạo, nghiên cứu tính chất và đánh giá tác động lên tế bào ung thư của các hệ phức chất platin (II) có cấu trúc nano	TS. Hà Phương Thu PGS.TS. Phan Thị Hồng Tuyết
158	Chế tạo, nghiên cứu tính chất của đồng kim loại và composit Cu-W có hiệu ứng siêu dẻo (superplasticity), ứng dụng trong đạn chống tăng	TS. Đoàn Đình Phương PGS.TS. Nguyễn Văn Tích
159	Nghiên cứu chế tạo và tính chất của vật liệu nano phát quang lai vô cơ-hữu cơ định hướng ứng dụng trong y sinh	TS. Nguyễn Thanh Hương GS.TS. Lê Quốc Minh
160	Nghiên cứu ứng dụng chất lỏng chứa thành phần cacbon nano trong hấp thụ năng lượng mặt trời	PGS.TS. Phan Ngọc Minh
161	Nghiên cứu điều khiển tính chất hấp thụ tuyệt đối sóng điện từ của vật liệu meta.	PGS.TS. Vũ Đình Lãm
162	Nghiên cứu tạo ra sten chất lượng cao từ quặng sunfua đa kim hệ Ni-Cu-Mg-C vùng Cao Bằng	PGS.TS. Phạm Đức Thắng
163	Phát triển một số loại vật liệu điện quang xúc tác sulfides kim loại chuyển tiếp để sử dụng trong các thiết bị quang điện hóa sản xuất hydro	GS.TS. Nguyễn Quang Liêm TS. Trần Đình Phong
164	Nghiên cứu điều khiển tính chất chiết suất âm của vật liệu metamaterials bằng tác động ngoại vi	PGS. TS. Vũ Đình Lãm
165	Nghiên cứu tinh chế và hoạt hoá khoáng talc ứng dụng trong dược phẩm	PGS. Ngô Kế Thế
166	Nghiên cứu ảnh hưởng của khoáng talc đến tính chất chịu nhiệt và chống cháy của vật liệu polymer	PGS. Ngô Kế Thế
167	Nghiên cứu phương pháp chế tạo vật liệu polyme dẫn nhiệt định hướng ứng dụng trong công nghệ chiếu sáng bằng LED	PGS. Ngô Kế Thế
168	Nghiên cứu quy trình chiết tách, quy trình nano hóa các hoạt chất/nhóm hoạt chất trong cây Ba kích tím ở Quảng Ninh và đánh giá hiệu quả tác dụng của các sản phẩm nano	TS. Hà Phương Thu
169	Nghiên cứu quy trình chế tạo các hệ dẫn thuốc kích thước nano đa chức năng từ-huỳnh quang dùng trong chẩn đoán và điều trị ung thư	TS. Hà Phương Thu
170	Nghiên cứu chế tạo các hệ vật liệu nano nhằm phòng chống một số bệnh ở tôm, cá tra và xử lý ô nhiễm môi trường nước nuôi thủy sản	TS. Hà Phương Thu
171	Chế tạo và đặc trưng tính chất của vật liệu tổ hợp cấu trúc nano CuS/CdS sử dụng làm chất nhạy sáng trong pin mặt trời quantum dot (QDSSC)	PGS. Phạm Duy Long PGS. Lê Văn Hồng
172	Nghiên cứu chế tạo vật liệu tổ hợp Au/TiO ₂ và khảo sát ảnh hưởng của các hạt nano Au tới hiệu suất chuyển đổi năng lượng của pin mặt trời cấu trúc nano.	PGS. Phạm Duy Long PGS. Lê Văn Hồng
173	Tổng hợp và nghiên cứu tính chất điện hóa của vật liệu nano silicboc polyaniline ứng dụng làm anot trong pin sạc lithium	PGS. Phạm Duy Long PGS. Lê Văn Hồng

174	Nghiên cứu cơ chế dẫn điện trong một số vật liệu Ba _{1-x} Me _x TiO ₃ (Me: Ni và Co)	TS. Đỗ Hùng Mạnh TS. Phạm Thanh Phong
	Khoa Sinh thái Tài nguyên và Môi trường	
175	Công nghệ phân hủy chất thải tái tạo năng lượng	TS. Đỗ Văn Mạnh
176	Nghiên cứu xử lý nước ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật bằng quá trình oxy hóa điện hóa kết hợp với thiết bị phản ứng sinh học-màng (MBR) Thuộc các lĩnh vực: oxy hóa tiên tiến, điện hóa, thiết bị phản ứng sinh học, công nghệ màng, xử lý nước.	TS. Lê Thanh Sơn, và 1 giáo sư người pháp thuộc trường ĐH Montpellier 2 và Viện Màng châu Âu Montpellier (IEM), Cộng hòa Pháp.
177	Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động của con người và khí hậu đến cấu trúc, phân bố quần xã thực vật nổi, tảo bám trong lưu vực sông.	TS. Dương Thị Thủy GS.TS. Đặng Đình Kim
178	Nghiên cứu phát triển hệ thống lọc sinh học sục khí luân phiên trong xử lý nước thải chăn nuôi	TS. Phan Đỗ Hùng
179	Ứng dụng nano trong công nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Hoài Châu
180	Phân tích chất lượng môi trường; Chế tạo vật liệu để xử lý các chất độc hại trong môi trường nước, khí	PGS.TS. Nguyễn Thị Huệ TS. Nguyễn Thành Đồng
181	Vi sinh học môi trường	PGS.TS. Tăng Thị Chính
182	- Nghiên cứu diễn thế thảm thực vật. - Nghiên cứu mô hình hóa cấu trúc các hệ kinh tế - sinh thái. - Nghiên cứu đa dạng thảm thực vật và thực vật. - Nghiên cứu vai trò của thảm thực vật trong giảm nhẹ hậu quả của thiên tai và biến đổi khí hậu	PGS.TS. Nguyễn Văn Sinh TS. Đỗ Hữu Thư
183	Nghiên cứu đa dạng sinh học (Động vật học có xương sống). Nghiên cứu sinh thái, sinh học các loài động vật có giá trị khoa học và giá trị kinh tế cao phục vụ cho bảo tồn đa dạng sinh học. Nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái tác động vào các loài động vật do biến đổi khí hậu.	PGS.TS. Lê Đình Thủy
184	- Nghiên cứu tính đa dạng của các loài chim và thú ở các hệ sinh thái tự nhiên ở Việt Nam. - Nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hiện trạng của những loài chim và thú ở những hệ sinh thái ven bờ và hải đảo của Việt Nam. - Nghiên cứu đặc điểm sinh thái của những loài chim và thú có giá trị kinh tế và bảo tồn ở Việt Nam. - Nghiên cứu bệnh dịch động vật ở các loài chim và thú của Việt Nam.	PGS.TS. Lê Đình Thủy TS. Vũ Đình Thống (hướng nghiên cứu về bệnh dịch động vật được hợp tác và hỗ trợ bởi các chuyên gia của Viện Pasteur-Thành phố Hồ Chí Minh cùng với các chuyên gia của tổ chức Nông nghiệp và Lương thực của Liên hiệp quốc - FAO)

185	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tính đa dạng và hệ thống phân loại căn cứ vào đặc điểm hình thái, tiếng kêu siêu âm và sinh học phân tử của các loài dơi. - Nghiên cứu đặc điểm sinh thái và tiếng kêu siêu âm của các loài dơi quý hiếm phục vụ giám sát và bảo tồn đa dạng sinh học. - Nghiên cứu tính đa dạng và hiện trạng của những loài dơi trong hệ thống hang động và sinh cảnh đặc trưng phục vụ phát triển du lịch sinh thái và kinh tế-xã hội. - Nghiên cứu các loài nội và ngoại ký sinh ở dơi và các loài thú khác của Việt Nam. 	<p>TS. Vũ Đình Thống TS. Nguyễn Thị Phương Trang (hướng nghiên cứu về các loài nội và ngoại ký sinh ở dơi được thực hiện trong sự hỗ trợ và hợp tác với các chuyên gia về ký sinh trùng học của Việt Nam và Đại học Sarawak, Malaysia).</p>
186	<p>Nghiên cứu đa dạng khu hệ chim Nghiên cứu đa dạng di truyền các loài chim Nghiên cứu sự biến đổi của khu hệ chim trong (định cư và di cư) trong bối cảnh biến đổi khí hậu Nghiên cứu các loài chim di cư</p>	<p>TS. Lê Mạnh Hùng TS. Nguyễn Cử</p>
187	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu hệ thống và phân loại học thực vật (bảng hình thái và sinh học phân tử) - Nghiên cứu đa dạng thực vật - Nghiên cứu bảo tồn các loài thực vật (cây thuốc, các loài quý hiếm,...) - Nghiên cứu các loài thực vật có hoạt tính sinh học. - Nghiên cứu địa lý thực vật - Nghiên cứu hóa thực vật 	<ul style="list-style-type: none"> - PGS. TS. Trần Thế Bách - TS. Nguyễn Thế Cường - TS. Nguyễn Thị Thanh Hương - TS. Vũ Tiến Chính
188	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu khu hệ và đa dạng sinh học các nhóm côn trùng có ích trong các hệ sinh thái đới và định hướng sử dụng. - Nghiên cứu sinh thái học quần xã các loài côn trùng có ý nghĩa kinh tế và tác động của chúng đến môi trường 	<p>PGS TS Khuất Đăng Long</p>
189	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu đa dạng sinh học côn trùng ứng dụng và đánh giá nguồn tài nguyên côn trùng có ích ở Việt Nam. Nghiên cứu sinh thái học cá thể, quần thể và sinh học bảo tồn côn trùng có ý nghĩa. - Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái: hóa chất bảo vệ thực vật; sự thay đổi môi trường sống do biến đổi khí hậu, lũ lụt, cháy rừng, di dân, đốt nương làm rẫy, đô thị hóa nông thôn... tác động đến quần thể côn trùng tự nhiên. 	<p>TS. Phạm Quỳnh Mai</p>
190	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu đa dạng và sinh học sinh thái của các loài côn trùng xã hội (trừ mối) ở Việt Nam 	<p>TS. Nguyễn Thị Phương Liên</p>
191	<p>Nghiên cứu đa dạng sinh học và bảo tồn động vật hoang dã Việt Nam</p>	<p>PGS.TS. Nguyễn Xuân Đăng TS. Ngô Xuân Tường</p>

192	<p>Nghiên cứu bò sát và lưỡng cư học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại học (Taxonomy) - Sinh thái học (Ecology) - Quan hệ di truyền và tiến hóa (Genetic relationships and evolution). 	TS. Nguyễn Quảng Trường
193	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng sinh học và quan hệ phát sinh chủng loại các loài động vật nhiều chân (Arthropoda: Myriapoda) ở Việt Nam - Sinh học và sinh thái học đất. Vai trò của các nhóm động vật không xương sống trong các quá trình chuyển hóa vật chất và năng lượng trong hệ sinh thái đất. - Đánh giá ô nhiễm, xử lý ô nhiễm môi trường đất bằng hệ động vật đất. 	TS. Phạm Đình Sặc TS. Nguyễn Đức Anh TS. Nguyễn Thị Thu Anh
194	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu và bảo tồn giá trị đa dạng sinh học hang động ở Việt Nam - Nghiên cứu bọ cạp ở Việt Nam, phát hiện và đánh giá hiện trạng những loài có ý nghĩa khoa học, kinh tế, và y dược học làm cơ sở đề xuất giải pháp bảo tồn và sử dụng 	TS. Phạm Đình Sặc
195	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu động vật chân khớp bé trong đất ở các hệ sinh thái (rừng, nông nghiệp, đô thị) và đánh giá chất lượng môi trường đất. - Đa dạng các nhóm động vật trong đất và vai trò chỉ thị của chúng đối với hệ sinh thái đất. 	TS. Nguyễn Thị Thu Anh
196	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại côn trùng; - Nghiên cứu sinh học, sinh thái và thực nghiệm côn trùng; - Nghiên cứu sử dụng nguồn tài nguyên côn trùng nhằm phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường 	PGS.TS. Trương Xuân Lam TS. Nguyễn Quang Cường TS. Nguyễn Thành Mạnh
197	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng hình thái và phân tử tuyến trùng thực vật - Đa dạng hình thái và phân tử tuyến trùng ký sinh gây bệnh côn trùng` - Công nghệ sinh học tuyến trùng trong phòng trừ sinh học - Quản lý tổng hợp tuyến trùng ký sinh thực vật 	PGS. TS. Nguyễn Ngọc Châu
198	<ul style="list-style-type: none"> . Đa dạng sinh học quần xã Tuyến trùng tại các hệ sinh thái biên ven bờ Việt nam (3-4 Hệ sinh thái) - Ảnh hưởng các yếu tố môi trường đến cấu trúc quần xã Tuyến trùng và đề xuất một số loài chỉ thị cho biến đổi khí hậu sau này. - Sử dụng các công cụ phân tử để xác định tính đa dạng các loài Tuyến trùng ở HST RNM Cần Giờ 	TS. Nguyễn Đình Tứ PGS.TSKH. Nguyễn Vũ Thanh
199	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu đa dạng tuyến trùng sống tự do trong đất và khả năng sử dụng chúng trong việc đánh giá chất lượng môi trường đất. - Nghiên cứu khu hệ tuyến trùng bộ Mononchida, Dorylaimida tại một số Vườn quốc gia/khu vực (Đông Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên,...) 	TS. Vũ Thị Thanh Tâm

200	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại các nhóm tuyến trùng ký sinh thực vật. - Sinh học, sinh thái các loài tuyến trùng ký sinh thực vật quan trọng trong hệ sinh thái nông nghiệp và sử dụng biện pháp sinh học trong phòng trừ chúng. - Phân loại tuyến trùng ký sinh côn trùng và khả năng sử dụng chúng trong phòng trừ sâu hại trong nông nghiệp 	TS. Trịnh Quang Pháp Cùng giảng viên khác
201	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại học thực vật; Đa dạng, bảo tồn và phát triển thực vật học, Sinh thái thực vật (Sinh thái quần thể và cá thể) - Nghiên cứu thực vật dân tộc học: Nghiên cứu tri thức bản địa, vận dụng tri thức bản địa trong bảo tồn đa dạng sinh học, canh tác nông nghiệp, ứng dụng tri thức bản địa trong nghiên cứu các nhóm tài nguyên thực vật - Tài nguyên thực vật: Nghiên cứu các nhóm cây tài nguyên (cây thuốc, cây làm thực phẩm, cây cho chất màu, cây có tinh dầu...); Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học các chất từ thực vật (kết hợp với các đơn vị chuyên sâu về Hóa học và Hoạt tính sinh học). 	TS. Nguyễn Văn Dư TS. Bùi Văn Thanh
202	<ul style="list-style-type: none"> - Ký sinh trùng ở người và động vật, về các lĩnh vực phân loại, sinh học-sinh thái, tiên hóa phân tử, miễn dịch, dịch tễ và điều trị 	TS. Phạm Ngọc Doanh
203	<ul style="list-style-type: none"> - Ký sinh trùng ở cá 	PGS. TS. Hà Duy Ngọ TS. Nguyễn Văn Hà TS. Nguyễn Mạnh Hùng
204	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh học, sinh thái các loài sán lá có nguồn gốc thủy sản (Fish-borne zoonotic trematodes) ở Việt Nam 	TS. Nguyễn Mạnh Hùng
205	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu phân loại học và Đa dạng sinh học các nhóm thủy sinh vật nước ngọt nội địa và biển ven bờ Việt Nam. - Nghiên cứu sinh thái học quần thể, quần xã và các hệ sinh thái thủy vực ở nước ngọt, nước lợ và biển ven bờ. - Nghiên cứu ứng dụng chỉ thị sinh học đánh giá chất lượng môi trường nước các thủy vực nước ngọt nội địa Việt Nam. 	PGS. TS. Hồ Thanh Hải TS. Lê Hùng Anh TS. Trần Đức Lương TS. Cao Thị Kim Thu TS. Đỗ Văn Tứ
206	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh thái viễn thám và hệ thống tin địa lý trong quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học. - Bảo tồn đa dạng sinh học trên cơ sở Sinh thái cảnh quan. - Bảo tồn đa dạng sinh học trên cơ sở hệ sinh thái - Sinh thái động vật và cơ sở bảo tồn - Nghiên cứu bảo tồn các loài thú lớn 	PGS.TS. Lê Xuân Cảnh, TS. Hà Quý Quỳnh
207	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu đa dạng, đặc điểm phân bố và bảo tồn các loài côn trùng ở Việt Nam 	TS. Phạm Thị Nhị

208	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng di truyền quần thể thực vật - Hệ thống học phân tử thực vật. - Phân loại thực vật dựa trên các chỉ thị phân tử 	TS. Nguyễn Thị Phương Trang
209	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu đánh giá hiện trạng nguồn tài nguyên thực vật (các loài cây thuốc, cây chứa tinh dầu, dầu béo, cây sử dụng trong nông lâm nghiệp, môi trường). - Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững các loài thực vật có giá trị kinh tế và khoa học. - Nghiên cứu đánh giá tác động môi trường, sử dụng các biện pháp sinh học để bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống. 	PGS.TS. Trần Huy Thái PGS.TS. Trần Minh Hợi TS. Chu Thị Thu Hà
300	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh thái viễn thám và hệ thống tin địa lý trong quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học. - Bảo tồn đa dạng sinh học trên cơ sở Sinh thái cảnh quan. - Bảo tồn đa dạng sinh học trên cơ sở hệ sinh thái - Sinh thái động vật và cơ sở bảo tồn - Nghiên cứu bảo tồn các loài thú lớn 	PGS.TS. Lê Xuân Cảnh, TS. Hà Quý Quỳnh
301	Nghiên cứu đa dạng, đặc điểm phân bố và bảo tồn các loài côn trùng ở Việt Nam	TS. Phạm Thị Nhi
302	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng di truyền quần thể thực vật - Hệ thống học phân tử thực vật. - Phân loại thực vật dựa trên các chỉ thị phân tử 	TS. Nguyễn Thị Phương Trang
303	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu đánh giá hiện trạng nguồn tài nguyên thực vật (các loài cây thuốc, cây chứa tinh dầu, dầu béo, cây sử dụng trong nông lâm nghiệp, môi trường). - Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững các loài thực vật có giá trị kinh tế và khoa học. - Nghiên cứu đánh giá tác động môi trường, sử dụng các biện pháp sinh học để bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống. 	PGS.TS. Trần Huy Thái PGS.TS. Trần Minh Hợi TS. Chu Thị Thu Hà
304	Tập trung và sử dụng các quá trình oxy hóa tiên tiến để xử lý các thành phần chất thải hữu cơ khó phân hủy trong môi trường nước.	PGS.TS. Trịnh Văn Tuyên
305	Tái chế các biomass thải thành các vật liệu để xử lý ô nhiễm môi trường.	PGS.TS. Trịnh Văn Tuyên
306	Nghiên cứu xây dựng các mô hình mô phỏng, dự báo chất lượng nước mặt, nước dưới đất và nước biển ven bờ. Áp dụng các phần mềm tính toán chất lượng môi trường vào thực tế	PGS.TS. Hà Ngọc Hiến
307	Nghiên cứu biến đổi của chất ô nhiễm trong môi trường. Nghiên cứu xây dựng các giải pháp công nghệ nhằm phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục ô nhiễm môi trường.	TS. Nguyễn Thành Đồng

308	Phát triển kỹ thuật phân tích các thành phần môi trường; Nghiên cứu phương pháp phân tích độc chất môi trường; Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano TiO ₂ ứng dụng trong xử lý các chất độc hại trong môi trường không khí và nước.	PGS.TS. Nguyễn Thị Huệ
309	Nghiên cứu phát triển các công nghệ xử lý nước thải, tiết kiệm và thu hồi năng lượng; Nghiên cứu phát triển các công nghệ tiên tiến xử lý các thành phần dinh dưỡng (Nitơ, phốt pho) trong nước và nước thải; Nghiên cứu tối ưu hóa các quá trình và thiết bị công nghệ môi trường.	TS. Phan Đỗ Hùng
310	Nghiên cứu, đánh giá chất lượng môi trường liên quan đến bùng phát tảo độc; nghiên cứu công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường sử dụng thực vật.	TS. Dương Thị Thủy
311	Nghiên cứu cơ bản đa dạng vi sinh vật trong các hệ sinh thái để bảo vệ môi trường; chế tạo chế phẩm VSV phục vụ xử lý ô nhiễm môi trường; phát triển công nghệ ứng dụng các chế phẩm VSV trong lĩnh vực xử lý ô nhiễm môi trường	PGS.TS. Tăng Thị Chính
312	Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ nano trong y tế, đời sống và sản xuất. Ứng dụng vật liệu nano thân thiện môi trường trong chăn nuôi, xử lý nguồn nước ô nhiễm và ô nhiễm không khí.	PGS.TS. Nguyễn Hoài Châu
313	Nghiên cứu và triển khai các vấn đề về công nghệ điện hóa môi trường; triển khai các vấn đề về vật liệu hấp phụ và vật liệu màng.	TS. Lê Thanh Sơn
314	Nghiên cứu đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường và mối quan hệ giữa chất thải với các đối tượng tiếp nhận	TS. Bùi Quang Minh
315	Nghiên cứu công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường; tác động của chất ô nhiễm đến con người và hệ sinh thái; phân tích hóa lý, sinh học; điều tra đánh giá chất lượng môi trường.	TS. Đỗ Văn Mạnh